

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HNGĐ – ST
Ngày 06 – 11 – 2020
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 601/2020/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn V, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số X/Y, khóm T, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng N (Nguyễn Thị Hồng N), sinh năm 1975. Địa chỉ: Số X/Y, khóm T, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 07/9/2020, tại các biên bản trong quá trình làm việc, nguyên đơn là ông Trần Văn V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Hồng N tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, kết hôn năm 1995 đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn thường

xuyên nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Ông và bà N tự ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy, hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 02 (hai) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tên Trần Thị Hồng Đ sinh năm 1995 và Trần Minh Đ1 2001.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai ngày 12/10/2020, tại các biên bản trong quá trình làm việc, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N (Nguyễn Thị N) trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông V tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1994. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thất bại. Thời gian qua, do vợ chồng đi làm ăn ở xa nên đến nay vẫn chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Nhận thấy, hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn.

Đối với họ tên của bà thì trước đây họ tên đúng của bà là Nguyễn Thị Hồng N. Tuy nhiên, khi làm sổ hộ khẩu thì bị đổi lại là Nguyễn Hồng N nên giấy chứng minh nhân dân của bà sau này cũng có tên là Nguyễn Hồng N. Ngoài ra, bà còn có ý kiến yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa, lý do bà phải đi làm ăn ở xa.

Về con chung: Bà và ông V có 02 (hai) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tên Trần Thị Hồng Đ sinh năm 1995 và Trần Minh Đ1 2001.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/11/2020. Ý kiến của bà N tại bản tự khai cũng yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa ông Trần Văn V và bà Nguyễn Hồng N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1994 đến nay chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do đó đôi bên thống nhất ly hôn. Xét thấy, ông V và bà N sống chung như vợ chồng đến nay không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không thể công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông bà mà áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố ông V và bà N không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông thống nhất có 02 (hai) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân tên Trần Thị Hồng Đ sinh năm 1995 và Trần Minh Đ1 sinh năm 2001.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] **Về án phí:** Ông V phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông V đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005611 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, ông V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9 và Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Trần Văn V và bà Nguyễn Hồng N (Nguyễn Thị Hồng N) không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân tên Trần Thị Hồng Đ sinh năm 1995 và Trần Minh Đ1 sinh năm 2001.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông V phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông V đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005611 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, ông V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Phạm Xuân Khanh